

Bản án số: 250/2018/HS-ST
Ngày 14-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 234/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H1, sinh năm 1987 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Ký túc xá công ty Daisung Sài Gòn, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Bé N, sinh năm 1967 và bà Trần Thị N (đã chết); bị cáo có một anh sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Ngô Thị S, sinh năm 1966 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: 163 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn T (đã chết) và bà Hồ Thị C, sinh năm 1938; bị cáo có 05 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1971; có chồng tên Huỳnh Văn B, sinh năm 1961 và 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 06/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Phan Thị Như N, sinh năm 1963 tại tỉnh Quảng Nam; thường trú: 06 đường Cao Hồng Lãnh, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: 79 đường Hoàng Hoa Thám, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Uy T (đã chết) và bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1934; bị cáo có 09 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Tiến T, sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: 12/14 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1966, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án: Ngày 24/01/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy (Bản án số 18/2013/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/8/2008 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (cũ) ra quyết định số 2556 đưa vào sơ sở chữa bệnh do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 06/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Lâm Anh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 23/17 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lâm Văn N (đã chết) và bà Tô Thị N, sinh năm 1953; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1979; có vợ tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 và 02 người con, lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Phạm Văn L, sinh năm 1993 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: 23/7 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Huỳnh Như H, sinh năm 1962; bị cáo có một chị sinh năm 1992; tiền án: Ngày 23/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về Tội đánh bạc (Bản án số 37/2016/HSST); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Phan Sỹ H2, sinh năm 1979 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 72 đường N2, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tiếp thị; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Sỹ T, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1953; có vợ tên Cao Thị Thu V, sinh năm 1979; có một con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày

09/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Nguyễn Văn K, sinh năm 1978 tại tỉnh Quảng Ngãi; thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: 48/11 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn M và bà Phạm Thị T (đã chết); bị cáo có 06 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1981; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; có một con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Lê Minh H, sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 44/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N, sinh năm 1957 và bà Dương Ngọc Y, sinh năm 1961; bị cáo có 03 em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991; có vợ tên La Thị L, sinh năm 1984 và 01 người con sinh năm 2018; bị cáo có 03 em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 09/5/2018 được trả tự do, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 17/2A khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Anh Phạm Trọng N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 13/38 khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2018 tại nhà bị cáo Lê Minh H địa chỉ tổ 13, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2 và Nguyễn Văn K đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên cào 05 lá, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng thì bị lực lượng Công an phường Đ kiểm tra, phát hiện bắt giữ người phạm tội quả tang và thu giữ tại chiếu bạc tiền tang 700.000 đồng, 03 bộ bài tây 52 lá.

Quá trình điều tra xác định:

- Bị cáo Phạm Văn H1 sử dụng 3.100.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người 3.600.000 đồng.

- Bị cáo Ngô Thị S sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tiền tại chiếu bạc 100.000 đồng và thu giữ trong người 1.700.000 đồng.

- Bị cáo Phan Thị Như N sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tiền tại chiếu bạc 200.000 đồng và thu giữ trong người 950.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Tiến T1 sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tiền tại chiếu bạc 100.000 đồng và thu giữ trong người 700.000 đồng.

- Bị cáo Lâm Anh T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tiền tại chiếu bạc 100.000 đồng và thu giữ trong người 1.100.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Văn L mang theo số tiền 1.000.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 600.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người 400.000 đồng.

- Bị cáo Phan Sỹ H2 mang theo số tiền 1.200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi không thắng không thua, khi bị bắt giữ thu giữ tiền tại chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 1.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn K sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 150.000 đồng, khi bắt thu giữ trong người 50.000 đồng.

- Bị cáo Lê Minh H không tham gia đánh bạc, tuy nhiên đã đồng ý để cho các bị cáo H1, S, N, T1, T, L, H2 và K cùng nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền tại nhà do mình thuê ở. Bị cáo H không thu tiền xâu nhưng sau khi đánh bạc xong người chơi thắng đưa cho bị cáo Hải từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng để phụ trả tiền điện.

Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 03 Bộ bài Tây và số tiền 8.800.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 214/CT-VKS ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H về Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Lâm Anh T, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thị Như N số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Tiến T1, Phạm Văn L mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ các bị cáo sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 23 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2018 tại nhà bị cáo Lê Minh H địa chỉ tổ 13, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2 và Nguyễn Văn K đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài ngẫu hăm cào 05 lá, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Bị cáo Lê Minh H cho các bị cáo sử dụng nhà thuê để đánh bạc và mỗi người đánh thắng đưa cho bị cáo từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng thì bị lực lượng Công an phường Đ kiểm tra, phát hiện bắt giữ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 8.800.000 đồng.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định: 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...

Như vậy hành vi của các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H đánh bạc dưới hình thức bài cào thắng thua bằng tiền đã đủ yếu tố cấu thành Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 214/CT-VKS ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tước đoạt tiền của nhau là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi

các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người thực hành.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 24/01/2013 bị cáo Nguyễn Tiến T1 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2018; ngày 23/8/2016 bị cáo Phạm Văn L bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về Tội đánh bạc. Như vậy bị cáo T1 và L chưa được xóa án tích, nay phạm tội mới thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Lâm Anh T1, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N có cha là ông Phan Uy T được Chính phủ tặng bằng khen đã có công góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Lâm Anh T1, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H đều là người có nhân thân tốt thể hiện có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo H là lao động chính, có vợ mới sinh. Bị cáo T1 có nhân thân xấu, ngày 29/8/2008 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (cũ) ra quyết định số 2556 đưa vào sơ sở chữa bệnh do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Lâm Anh T1, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo này, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Riêng bị cáo T1 và L có nhân thân xấu, đang có tiền án, chưa được xóa án tích nên cần cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Xét mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thị xã D đối với các bị cáo và vấn đề xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến

50.000.000 đồng”. Tuy nhiên bị cáo T1 và L có hoàn cảnh khó khăn; mặt khác hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Lâm Anh T1, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 03 bộ bài Tây các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Xét số tiền 8.800.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Riêng số tiền 400.000 đồng của bị cáo Phạm Văn L và số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Phan Sỹ H2 không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Ngô Thị S 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Lâm Anh T1 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Phan Sỹ H2 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Lê Minh H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị Như N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ khi bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 06/5/2018.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ khi bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài Tây 52 lá.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.800.000 đồng (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng)

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Thị S, Phan Thị Như N, Nguyễn Tiến T1, Lâm Anh T, Phạm Văn L, Phan Sỹ H2, Nguyễn Văn K và Lê Minh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Công an thị xã D;
- UBND xã (phường) nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Các bị cáo;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Lưu: VT, hồ sơ, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà